

Cao Bằng, ngày 20 tháng 3 năm 2020

*

BẢNG ĐIỂM

LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH KHÓA 61

Hình thức đào tạo không tập trung; Thời gian học từ ngày 27/5/2019 đến ngày 23/3/2020

TT	Họ và tên	Những vấn đề cơ bản của CN Mác-Lênin	Những vấn đề cơ bản của tư tưởng HCM	Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử ĐCS VN	Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị, nhà nước và PL XHCN	Những vấn đề về QL hành chính NN	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước VN về các lĩnh vực của đời sống XH	Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở	Nghiệp vụ công tác Đảng ở cơ sở	Nghiệp vụ công tác MTTQ và đoàn thể nhân dân ở cơ sở	Tình hình nhiệm vụ của địa phương	Điểm bài thu hoạch	Khóa luận/thesis tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa học	Xếp loại	Ghi chú
1	Đình Văn Ân	6,25	7,25	7,50	7,50	7,75	7,00	6,75	7,50	7,50	7,00	8,00	7,25	7,27	Khá	
2	Nông Thị Banh	7,50	7,00	7,75	7,00	7,25	8,00	7,00	8,00	7,50	7,25	8,25	7,42	7,48	Khá	
3	Đình Vĩnh Bắc	6,00	7,00	7,50	7,50	8,00	8,00	7,25	7,50	7,75	8,00	8,00	7,17	7,43	Khá	
4	Chu Thị Bích	8,00	7,25	7,75	7,00	8,00	7,75	7,00	8,00	7,75	7,00	8,00	6,83	7,43	Khá	
5	Bàn Mùi Chải	7,00	6,75	7,50	6,50	7,50	6,75	6,50	7,00	7,25	7,50	8,00	6,75	7,04	Khá	
6	Hoàng Quốc Chấn	7,75	7,00	7,50	7,50	8,00	8,00	6,50	7,75	8,00	7,50	8,25	7,33	7,55	Khá	
7	Lý Văn Châu	6,50	6,75	7,75	6,00	7,75	6,75	7,00	7,50	7,50	6,25	8,00	6,58	6,96	Trung bình	
8	Hoàng Chàn Chiu	8,00	6,75	7,00	6,50	7,75	6,75	7,00	8,00	8,00	7,50	8,00	7,33	7,37	Khá	
9	Triệu Tồn Chuồng	6,00	7,00	8,00	7,00	7,00	6,75	6,50	7,00	7,50	7,25	8,00	7,17	7,11	Khá	
10	Hà Văn Dương	7,75	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	7,75	7,50	8,00	8,00	8,00	8,25	7,96	Khá	
11	Hà Thị Điệp	8,25	8,00	7,50	7,25	7,75	7,50	7,50	8,00	7,25	7,25	8,00	7,50	7,63	Khá	
12	Hà Văn Đình	6,50	6,25	7,25	7,75	7,50	7,25	7,00	7,75	7,50	7,25	8,50	7,58	7,37	Khá	
13	Ma Thị Gấm	8,00	7,25	8,00	7,25	7,50	7,75	8,00	7,75	8,00	7,50	8,50	7,50	7,71	Khá	
14	Đặng Thu Hà	7,50	7,25	8,00	7,25	7,75	8,00	7,75	7,50	7,75	7,50	8,50	7,83	7,73	Khá	
15	Chu Thanh Hải	8,00	7,50	7,75	7,00	8,00	8,00	7,00	7,50	7,50	7,75	8,00	7,33	7,57	Khá	
16	Lục Thị Minh Hạnh	8,50	8,00	8,00	7,75	8,25	8,00	7,50	8,25	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	Giỏi	

(Handwritten signature)

TT	Họ và tên	Những vấn đề cơ bản của CN Mác-Lênin	Những vấn đề cơ bản của tư tưởng HCM	Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử ĐCS VN	Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị, nhà nước và PL XHCN	Những vấn đề cơ bản về QL hành chính NN	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước VN về các lĩnh vực của đời sống XH	Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở	Nghiệp vụ công tác Đảng ở cơ sở	Nghiệp vụ công tác MTTQ và đoàn thể nhân dân ở cơ sở	Tình hình nhiệm vụ của địa phương	Điểm bài thu hoạch	Khóa luận/thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa học	Xếp loại	Ghi chú
17	Cung Lệ Hằng	8,00	8,25	8,00	7,75	8,00	7,50	7,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,89	Khá	
18	Nông Thị Hiệp	8,50	8,00	7,75	7,50	7,75	7,50	8,00	7,50	8,00	7,25	8,00	8,00	7,84	Khá	
19	Dịch Trung Hiếu	7,00	7,00	6,50	7,00	7,75	7,00	7,75	7,25	8,00	7,00	8,00	7,17	7,27	Khá	
20	Lương Thanh Hiếu	7,25	7,25	6,50	7,00	7,25	7,00	8,00	7,25	7,00	7,50	8,50	7,33	7,32	Khá	
21	Hoàng Thị Như Hoa	8,00	7,25	8,00	7,50	7,25	7,75	7,50	7,50	8,00	7,50	8,50	7,58	7,68	Khá	
22	Mã Thị Hợp	7,50	7,25	7,75	7,50	7,75	7,00	6,50	7,50	7,75	7,50	8,00	7,67	7,50	Khá	
23	Lãnh Thị Huế	7,00	6,50	7,50	6,50	7,50	6,75	7,00	7,00	8,00	7,25	8,25	7,00	7,16	Khá	
24	Lý Thị Thanh Huyền	8,00	7,50	7,50	7,50	7,75	7,25	7,00	7,50	8,00	7,00	8,25	7,33	7,52	Khá	
25	Đặng Thúy Hương	7,25	7,50	7,50	7,00	7,75	7,50	7,25	7,50	7,75	7,25	8,00	7,17	7,41	Khá	
26	Bàn Tuấn Khánh	7,25	7,00	6,50	6,00	7,75	6,75	7,75	7,50	7,25	7,00	8,00	7,00	7,13	Khá	
27	Lục Quốc Khánh	7,50	8,25	8,00	8,00	8,25	8,00	7,75	7,50	8,00	7,75	8,50	8,50	8,07	Giỏi	
28	Phùng Tồn Khe	7,00	8,00	6,50	7,50	7,75	7,00	7,00	7,50	7,50	7,75	8,00	6,67	7,25	Khá	
29	Đinh Phương Lan	8,50	8,00	8,00	7,00	8,25	7,75	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	7,93	Khá	
30	Hoàng Thị Lâm	7,50	7,75	7,50	7,25	7,75	7,50	7,00	7,50	7,75	7,50	8,00	7,17	7,47	Khá	
31	Đoàn Ngọc Linh	6,25	7,00	6,50	5,50	7,00	6,75	7,00	7,00	7,00	6,25	8,00	6,33	6,66	Trung bình	
32	Chu Văn Lợi	7,00	7,75	7,75	7,25	7,75	7,00	6,50	7,50	7,75	7,50	8,00	6,50	7,23	Khá	
33	Bàn Phụ Lý	6,00	7,25	7,75	6,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,50	8,00	6,33	6,89	Trung bình	
34	Hoàng Thị Mai	7,00	7,00	7,50	7,00	7,50	8,00	7,75	8,00	7,75	8,25	8,00	7,67	7,63	Khá	
35	Lý Thị Mai	6,00	8,00	7,75	6,00	8,00	7,50	8,00	8,00	7,50	8,00	8,00	7,25	7,46	Khá	
36	Lường Văn Minh	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,95	Khá	
37	Ngô Văn Mùi	6,50	7,00	8,00	7,25	7,25	7,00	7,50	7,75	7,75	7,50	8,00	7,25	7,38	Khá	
38	Hoàng Văn Nam	6,75	5,75	7,75	7,75	7,50	7,00	7,00	7,50	7,00	7,00	8,00	7,17	7,18	Khá	
39	Lục Sành Nân	6,50	7,50	8,00	7,75	8,00	7,50	7,50	7,50	7,75	8,00	8,00	7,58	7,62	Khá	
40	Nông Văn Nguyên	6,75	7,00	5,50	7,00	7,25	7,00	6,50	7,75	7,00	7,50	8,00	6,92	7,00	Khá	

Handwritten signature

TT	Họ và tên	Những vấn đề cơ bản của CN Mác-Lênin	Những vấn đề cơ bản của tư tưởng HCM	Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử ĐCS VN	Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị, nhà nước và PL XHCN	Những vấn đề về QL hành chính NN	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước VN về các lĩnh vực của đời sống XH	Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở	Nghiệp vụ công tác Đảng ở cơ sở	Nghiệp vụ công tác MTTQ và đoàn thể nhân dân ở cơ sở	Tình hình nhiệm vụ của địa phương	Điểm bài thu hoạch	Khóa luận/thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa học	Xếp loại	Ghi chú
41	Lương Thị Ngu	6,75	7,00	7,50	6,75	8,00	7,25	6,50	7,00	8,00	7,25	8,25	7,25	7,29	Khá	
42	Mã Thị Linh Nhâm	7,25	8,50	8,00	7,75	8,25	7,00	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	7,93	Khá	
43	Lý Hữu Nhất	6,50	5,50	8,00	6,75	8,00	7,50	6,75	8,25	7,50	8,00	8,00	7,50	7,38	Khá	
44	Lý Văn Nhị	6,50	7,00	7,50	7,00	7,00	7,00	6,75	7,50	7,75	7,75	8,00	7,25	7,25	Khá	
45	Hà Phạm Nhon	7,00	8,00	8,00	8,00	7,75	7,50	8,00	8,00	7,50	7,50	8,25	8,25	7,88	Khá	
46	Hoàng Chàn Páo	5,75	6,50	7,00	5,00	6,50	7,00	7,50	7,00	6,50	7,00	8,25	6,42	6,66	Trung bình	
47	Hầu Thị Phong	6,50	7,00	7,50	6,25	6,75	7,50	6,75	7,00	6,50	7,00	8,00	6,67	6,91	Trung bình	
48	Tô Đình Phong	5,50	7,25	7,25	6,00	6,00	7,00	6,50	7,25	7,50	7,25	8,00	6,83	6,86	Trung bình	
49	Trần Thị Phương	7,75	8,25	8,50	8,25	8,00	8,25	7,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,02	Giỏi	
50	Đinh Thị Phượng	7,00	7,00	8,00	7,50	8,00	8,25	6,50	8,00	7,50	8,00	8,25	7,58	7,62	Khá	
51	Hoàng Thị Quế	6,75	8,25	7,75	8,25	8,25	8,00	7,75	7,75	7,00	8,00	8,00	7,50	7,73	Khá	
52	Đặng Văn Quyên	6,25	5,75	7,50	7,50	7,00	7,00	7,00	8,00	7,75	7,50	8,00	7,00	7,16	Khá	
53	Nguyễn Thị Sáu	7,75	8,00	7,75	7,75	8,25	8,50	7,25	8,00	8,00	7,75	8,00	7,42	7,80	Khá	
54	Đặng Văn Sơn	7,00	6,50	7,25	6,50	7,25	7,50	7,00	7,50	7,75	7,25	8,00	6,83	7,14	Khá	
55	Hoàng Chàn Sơn	6,75	7,50	7,50	6,50	6,50	7,00	7,00	7,00	6,75	8,00	8,00	6,83	7,07	Khá	
56	Hoàng Đức Sơn	7,00	6,75	8,00	8,00	7,75	8,00	7,50	8,00	7,75	8,00	8,00	7,58	7,68	Khá	
57	Hà Hữu Thạch	7,00	6,25	7,75	7,00	7,50	8,00	6,75	7,75	7,75	8,00	8,00	7,58	7,46	Khá	
58	Đặng Hữu Thanh	6,50	6,25	7,75	7,00	6,50	7,00	6,50	8,00	7,25	7,25	8,00	6,83	7,04	Khá	
59	Bàn Thị Thẩm	7,00	7,00	8,00	7,00	8,00	7,50	8,00	7,75	8,00	7,50	8,00	7,75	7,64	Khá	
60	Lý Dương Thế	6,00	7,00	8,00	7,50	7,25	8,00	7,25	7,75	7,75	7,75	8,00	7,42	7,47	Khá	
61	Hà Thị Ngọc Thoan	7,00	5,75	7,75	8,00	7,00	7,00	7,25	7,75	7,00	8,00	8,00	7,33	7,32	Khá	
62	Triệu Văn Thuận	6,25	6,50	8,00	7,75	7,50	8,00	7,00	8,25	8,00	7,75	8,00	7,67	7,57	Khá	
63	Nông Thị Tiếp	7,00	7,50	8,00	7,00	7,50	8,00	7,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,67	7,64	Khá	
64	Phùng Văn Trình	5,75	7,00	7,75	8,00	7,25	7,00	6,50	8,00	6,75	7,50	8,00	7,00	7,18	Khá	

ll

TT	Họ và tên	Những vấn đề cơ bản của CN Mác-Lênin	Những vấn đề cơ bản của tư tưởng HCM	Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử ĐCS VN	Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị, nhà nước và PL XHCN	Những vấn đề cơ bản về QL hành chính NN	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước VN về các lĩnh vực của đời sống XH	Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở	Nghiệp vụ công tác Đảng ở cơ sở	Nghiệp vụ công tác MTTQ và đoàn thể nhân dân ở cơ sở	Tình hình nhiệm vụ của địa phương	Điểm bài thu hoạch	Khóa luận/thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa học	Xếp loại	Ghi chú
65	Bế Ích Trung	6,75	6,00	7,50	7,50	7,00	8,00	6,75	7,50	6,75	7,75	8,00	7,00	7,18	Khá	
66	Đặng Quang Trung	6,00	7,00	7,50	7,25	7,50	7,00	7,00	7,75	7,50	7,50	8,00	7,67	7,36	Khá	
67	Chu Văn Trường	6,00	7,00	7,50	7,00	7,00	7,50	7,25	7,50	7,25	7,25	8,25	7,42	7,27	Khá	
68	Lục Thị Tuyên	7,00	6,00	8,00	7,75	8,00	8,50	7,75	8,00	8,00	7,25	8,25	7,67	7,68	Khá	
69	Hoàng Kim Tuyên	7,50	7,00	8,00	7,75	7,50	8,50	7,50	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	7,80	Khá	
70	Bàn Thị Viện	6,50	6,75	7,75	8,00	8,00	7,50	7,50	8,25	7,75	7,50	8,00	7,42	7,55	Khá	
71	Lý Tổ Loan	8,00	7,75	8,00	7,75	8,00	7,00	7,75	8,00	7,75	7,75	8,00	7,25	7,68	Khá	Khóa 59
72	Bé Thị Tuyên	7,75	8,25	8,25	7,75	8,25	7,75	8,00	7,50	7,50	7,75	8,00	7,33	7,77	Khá	Khóa 59
73	Triệu Thị Thương	7,50	8,00	7,75	7,75	8,00	7,50	8,25	8,25	8,25	8,50	8,25	8,08	8,02	Giỏi	Khóa 63

Danh sách ấn định: 73 học viên được xếp loại.

Tổng hợp xếp loại:

Giỏi: Điểm trung bình toàn khóa học từ 8,00 điểm đến dưới 9,00 điểm: 04 học viên, chiếm 5,48%.

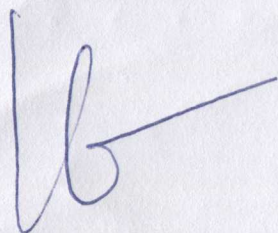
Khá: Điểm trung bình toàn khóa học từ 7,00 điểm đến dưới 8,00 điểm: 63 học viên, chiếm 86,30%.

Trung bình: Điểm trung bình toàn khóa học từ 5,00 điểm đến dưới 7,00 điểm: 06 học viên, chiếm 8,22%

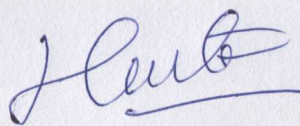
GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Hà Huyền Nga



Hoàng Việt Hưng



Trịnh Thị Ánh Hoa